

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VINH**

Bản án số: 83 /2017/LHST  
Ngày: 28/12/2017  
V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hải Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Công Thắm  
2. Bà Phạm Thị Tố Tâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hằng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tham gia phiên  
tòa:** Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 769/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2017/QĐXX-ST ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H – sinh năm 1973 (có mặt)

*Trú tại:* khối 10, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D – sinh năm 1965 (vắng mặt)

*Trú tại:* khối 8, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang cải tạo tại: đội 34, phân trại số 1, trại giam số 3, tổng cục VIII, Bộ Công An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Căn cứ vào đơn xin ly hôn ngày 25/10/2017 và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay của chị Nguyễn Thị H thì: chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Thị H kết hôn với nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 28/6/1994. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2003, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chia sẻ lẫn nhau, anh D thường vi phạm pháp luật nên năm 2006 đã thống nhất ly hôn nhưng sau đó chưa nộp đơn ly hôn. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Thị T - sinh ngày 12/1/1993 và cháu Nguyễn Thị V – sinh ngày 12/11/1999. Nay ly hôn chị H cho rằng các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn D tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh D có bản tự khai trình bày: Anh D thừa nhận thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị H trình bày là đúng. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh D thấy tình cảm vợ chồng cũng thực sự không còn nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Thị T - sinh ngày 12/1/1993 và cháu Nguyễn Thị V – sinh ngày 12/11/1999. Nay ly hôn anh D cho rằng các cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện VKS nhân dân thành phố Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến nay như sau: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho VKS nhân dân thành phố Vinh đầy đủ, đúng quy định pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của họ.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu hồ sơ vụ án và thẩm vấn công khai tại phiên tòa xác định đây là vụ án ly hôn: Về tình cảm chị H và anh D kết hôn năm 1994, hôn nhân tự nguyện tìm hiểu, hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi cọ lẫn nhau, vợ chồng ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh D cũng cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn. Vì vậy, chúng tôi tình trạng sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần công nhận thuận tình ly hôn cho chị H và anh D

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Thị T - sinh ngày 12/1/1993 và cháu Nguyễn Thị V – sinh ngày 12/11/1999. Nay ly hôn chị H, anh D cho rằng các cháu đã đủ tuổi trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh D vắng mặt, tuy nhiên anh D đã nhận đầy đủ thông báo thụ lý vụ án, anh D có bản tự khai và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bản thân anh D đang chấp hành án tại đội 34, phân trại số 1, trại giam số 3, tổng cục VIII, Bộ Công An. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên căn cứ vào mục 4, phần II Nghị quyết số 03 ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 điều 207 và khoản 3 điều 228 BLTTDS để giải quyết vụ án.

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ tình cảm: chị H và anh D kết hôn năm 1994, hôn nhân tự nguyện tìm hiểu, hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi cọ lẫn nhau, anh D vi phạm pháp luật nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh D cũng nhất trí ly hôn. Như vậy, chứng tỏ tình trạng sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh D.

- Quan hệ con chung: Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Thị T - sinh ngày 12/1/1993 và cháu Nguyễn Thị V – sinh ngày 12/11/1999. Nay ly hôn chị H, anh D cho rằng các cháu đã đủ tuổi trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điều 147; điều 271; khoản 1 điều 273 BLTTDS; điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí xử:

- Về quan hệ tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn D.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí LHST (nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại chi cục thi hành án thành phố Vinh theo BL số 000175 ngày 25/10/2017).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Anh D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

### **Nơi nhận**

- VKSND TP Vinh
- Các đương sự
- Lưu HS

*Lê Thị Hải Yến*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**